**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1**

**MÔN GDCD LỚP 11 – năm học 2022 – 2023**

**Câu 1.** Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đối các yếu tố của tự nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với

 A. quan hệ xã hội. B. yêu cầu của xã hội.

 C. nhu cầu của mình. D. tư liệu lao động.

**Câu 2**: Một trong những vai trò của sản xuất của cải vật chất là:

A. Cơ sở tồn tại của xã hội. B. Tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần.

C. Giúp con người có việc làm. D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 3**: Sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

A. mọi hoạt động của xã hội. B. số lượng hàng hóa trong xã hội

C. thu nhập của người lao động. D. việc làm của người lao động.

**Câu 4** :Toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là

A. lao động.       B. người lao động. C. sức lao động.       D. làm viêc.

**Câu 5 :** Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào được gọi là:

A. Đối tượng lao động. B. Tư liệu lao động.

C. Tài nguyên thiên nhiên. D. Nguyên vật liệu.

**Câu 6** : Hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động là

A. người lao động. B. tư liệu lao động.

C. tư liệu sản xuất. D. nguyên vật liệu.

**Câu 7:** Toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là

A. lao động.       B. người lao động.

 C. sức lao động.      D. làm viêc.

**Câu 8 :** Tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội là

A. phát triển kinh tế. B. thúc đẩy kinh tế.

 C. thay đổi kinh tế. D. ổn định kinh tế.

**Câu 9**: Sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

A. mọi hoạt động của xã hội. B. số lượng hàng hóa trong xã hội

C. thu nhập của người lao động. D. việc làm của người lao động.

**Câu10**: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?

A. Kết cấu hạ tầng của sản xuất. B. Công cụ lao động.

C. Hệ thống bình chứa của sản xuất. D. Cơ sở vật chất.

**Câu 11**: Yếu tố nào dưới đây giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất?

A. Đối tượng lao động. B. Sức lao động.

C. Tư liệu lao động. D. Máy móc hiện đại.

**Câu 12**: Quá trình sản xuất gồm các yếu tố nào dưới đây?

A. Sức lao dộng, đối tượng lao động và lao động. B. Con người, lao động và máy móc.

C. Lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. D. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

**Câu 13** : Tư liệu lao động được hiểu là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động nhằm

A. thay thế đối tượng lao động. B. xử lí đối tượng lao động.

C. biến đổi đối tượng lao động. D. di chuyển đối tượng lao động.

**Câu 14** : Đối với mỗi cá nhân phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và

A. củng cố quốc phòng. B. thu nhập ổn định.

 C. ổn định chính trị. D. phát triển bền vững.

**Câu 15** : Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào

A. tự nhiên. B. dân số C. xã hội. D. chính trị.

**Câu 16**: Đối với gia đình, phát triển kinh tế là tiền đề để

A. đảm bảo ổn định kinh tế. B. loại bỏ tệ nạn xã hội.

C. thực hiện tốt chức năng của gia đình. D. xóa bỏ thất nghiệp.

**Câu 17 :** Yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động trong nghành May mặc?

A. Máy may.       B. Vải.

 C. Thợ may.       D. Chỉ.

**Câu 18:** “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào dưới đây trong quá trình lao động?

A. Đối tượng lao động. B. Tư liệu lao động.

 C. Sức lao động. D. Nguyên liệu lao động.

**Câu 19** : Yếu tố nào dưới đây là một trong những đối tượng lao động trong ngành Công nghiệp khai thác?

A. Máy cày.       B. Than.

 C. Sân bay.        D. Nhà xưởng.

**Câu 20 :** Vật liệu nào dưới đây là đối tượng lao động thuộc loại có sẵn trong tự nhiên ?

A. Bông để kéo sợi. B. Than trong nhà máy điện.

C. Quặng dưới lòng đất. D. Sắt thép để chế tạo máy.

**Câu 21:** Yếu tố nào dưới đây giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất?

A. Đối tượng lao động. B. Sức lao động.

C. Tư liệu lao động. D. Máy móc hiện đại.

**Câu 22**. Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa

A. kết tủa trong hàng hóa. B. kết tinh trong hàng hóa.

C. chi phí làm ra hàng hóa. D. vất vả làm ra hàng hóa.

**Câu 23**: Hàng hóa có hai thuộc tính là:

 A. Giá trị và giá cả. B. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng

. C. Giá cả và giá trị sử dụng. D. Giá trị và giá trị sử dụng.

**Câu 24** : Khi trao đổi hàng hoá vượt ra khỏi biên giới quốc gia thì tiền tệ làm chức năng

 A. phương tiện lưu thông. B. phương tiện thanh toán.

 C. tiền tệ thế giới.  D. giao dịch quốc tế.

**Câu 25**: Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của sản phẩm có thể

A. thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. B. đáp ứng mong muốn của người sản xuất.

C. trao đổi trên thị trường. D. kết tinh trong hàng hóa.

**Câu 26** : Một sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua – bán được gọi là

A. thông tin. B. hàng hóa.

 C. sản xuất. D. giá trị.

**Câu 27 :** Nơi các chủ thể kinh tế trao đổi, mua bán, xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ được gọi là

A. sản xuất. B. lưu thông. C. thị trường. D. thanh toán.

**Câu 28**: Bác B nuôi được 30 con gà. Bác để ăn 12 con, cho con gái 5 con. Số còn lại bác mang bán. Hỏi số gà của bác B có bao nhiêu con gà là hàng hóa?

A. 12 con        B. 30 con C. 13 con        D. 5 con

**Câu 29**: Trong nền sản xuất hàng hóa, giá cả hàng hóa là

A. Quan hệ giữa người bán và người mua B. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa

C. Giá trị của hàng hóa D. Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận

**Câu 30**: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hóa

B. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa

C. Thời gian cần thiết để sản xuất ra hàng hóa

D. Chi phí để sản xuất ra hàng hóa

**Câu 31**: Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?

A. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa . B.Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa

C. Nền sản xuất hàng hóa D. Mọi nền sản xuất

**Câu 32**: Yếu tố nào dưới đây làm cho giá cả hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị của hàng hóa?

A. Cung- cầu, cạnh tranh B. Nhu cầu của người tiêu dùng

C. Khả năng của người sản xuất D. Số lượng hàng hóa trên thị trường

**Câu 33:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của

A. Cạnh tranh        B. Thi đua       C. Sản xuất        D. Tiêu dùng

**Câu 34 :** Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có

A. giá trị khác nhau. B. giá cả khác nhau.

C. giá trị sử dụng khác nhau. D. số lượng khác nhau.

**Câu 35**. Thông tin của thị trường có tác dụng như thế nào đối với người mua?

A. Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường. B. Mua được hàng hóa mình cần.

C. Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa. D. Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.

**Câu 36:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định được gọi là

A. giá trị lao động. B. giá cả hàng hóa. C. vàng. D. đô la.

**Câu 37.** Tiền tệ trở thành thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán. Đó chính là

A. bản chất của tiền tệ. B. nguồn gốc của tiền tệ

.C. chức năng của tiền tệ. D. quy luật lưu thông tiền tệ.

**Câu 38:**  Quá trình trao đổi hàng hóa diễn ra theo trình tự H-T-H, trong đó H-T là

A. quá trình bán. B. quá trình mua

C. tư vấn mua hàng. D. tư vấn bán hàng.

**Câu39:**  Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ để khi cần thì đem ra mua hàng là tiền thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thước đo giá trị. B. Phương tiện lưu thông.

C. Phương tiện cất trữ. D. Phương tiện thanh toán.

**Câu 40**: Sản xuất hàng hoá số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

A. Người sản xuất.  B. Thị trường. C. Nhà nước. D. Người làm dịch vụ.

**Câu 41:** Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?

A. Giá cả.       B. Lợi nhuận.   C. Công dụng của hàng hóa.               D. Số lượng hàng hóa.

**Câu 42:** Hàng hóa có giá trị sử dụng là do yếu tố nào dưới đây quyết định?

A. Nhu cầu của người bán. B. Sở thích của người mua.

C. Hao phí của sản phẩm. D. Công dụng của sản phẩm.

**Câu 43:** Yếu tố nào sau đây không được coi là hàng hóa?

A. Dịch vụ ăn uống. B. Đồ ăn bán ngoài chợ

C. Lương thực bán ở cửa hàng. D. Rau nhà trồng để ăn.

**Câu44 :** Vật phẩm nào dưới đây không phải là hàng hóa?

A. Điện.       B. Nước máy. C. Không khí.       D. Rau trồng để bán.

**Câu 45:**  Giá cả của hàng hoá trên thị trường vận động

A. ăn khớp với giá trị.  B. cao hơn giá trị.

C. thấp hơn giá trị.  D. xoay quanh trục giá trị.

**Câu 46:** Một trong những mặt tích cực của quy luật giá trị là kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển và

A. sản xuất nhiều loại hàng hóa. B. người tiêu dùng mua được hàng hóa rẻ.

C. người sản xuất ngày càng giàu có. D. năng xuất lao động tăng.

**Câu 47:**Trong lưu thông, quy luật giá trị yêu cầu việc trao đổi hàng hóa cho nhau phải dựa trên nguyên tắc

A. ngang giá. B. tỷ giá. C. bằng giá. D. định giá.

**Câu 48:** Quy luật giá trị yêu cầu, tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra tổng hàng hóa phải phù hợp với tổng thời gian

A. lao động xã hội cần thiết của hàng hóa đó. B. lao động cá biệt của tổng hàng hóa đó.

C. lao động xã hội cần thiết của tổng hàng hóa đó. D. lao động cá biệt của hàng hóa đó.

**Câu 49:** Từ khi nào quy luật giá trị được vận dụng đúng vào nền kinh tế nước ta ?

A. Từ khi đất nước thống nhất năm 1976.        B. Từ khi đổi mới nền kinh tế năm 1986.

C. Từ khi đất nước giành độc lập năm 1945.       D. Từ đại hội Đảng lần thứ VII năm 1991.

**Câu 50**: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức nào?

A. Nâng cao mức thuế thu nhập . B. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội thích hợp.

C. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế. D. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được.

**Câu 51**: Hoa nhận được học bổng với số tiền 12 triệu đồng. Hoa muốn thực hiện chức năng phương tiện cất trữ của tiền tệ thì Hoa cần làm theo cách nào dưới đây?

A. Đưa số tiền đó cho mẹ giữ hộ B. Mua vàng cất đi

 C. Gửi số tiền đó vào ngân hàng D. Bỏ số tiền đó vào lợn đất

**Câu 52**: Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

A. Thước đo giá trị B. Phương tiện lưu thông

C. Phương tiện cất trữ D. Phương tiện thanh toán

**Câu 53:** Anh A đang sản xuất lúa nhưng trong những năm qua giá thấp, bán chậm. Anh A đã chuyển đổi sang sản xuất rau sạch vì mặt hàng này giá cao, bán nhanh. Anh A đã vận dụng tác động nào dưới đây của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển

C. Phân hóa giữa những người sản xuất hàng hóa D. Tạo năng suất lao động cao hơn

**Câu 54**: Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh A là 1 giờ, anh B là 2 giờ, anh C là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?

A. Anh A        B. Anh B C. Anh C        D. Anh A và anh B

**Câu 55:** Nguyên tắc ngang giá được hiểu là hai hàng hóa được trao đổi với nhau khi có thời gian

A. lao động cá biệt bằng nhau. B. lao động xã hội bằng nhau.C. lao động cá biệt khác nhau. D. lao động xã hội khác nhau.

**Câu 56:** Quy luật giá trị điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua yếu tố nào dưới đây?

A. Giá cả thị trường. B. Số lượng hàng hóa.

C. Nhu cầu của người tiêu dùng. D. Nhu cầu của người sản xuất.

**Câu 57:** Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Thời gian lao động cá biệt. B. Thời gian lao động xã hội cần thiết.

C. Thời gian cần thiết. D. Chi phí sản xuất.

**Câu 58:** Trong quá trình sản xuất, người sản xuất kinh doanh không ngừng cải tiến kỷ thuật, nâng cao trình độ tay nghề người lao động, để giá trị cá biệt của mình thấp hơn giá trị xã hội là đã vận dụng tốt tác động nào của quy luật giá trị?

A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. B. Điều tiết và lưu thông hàng hóa.

C. Phân phối lại tư liệu lao động. D. Thúc đẩy thời gian lao động cá biệt tăng.

**Câu 59:** Nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu nhiều lợi nhuận là

A. mục đích của cạnh tranh. B. ý nghĩa của cạnh tranh.

C. nguyên tắc của cạnh tranh. D. nội dung của cạnh tranh.

**Câu 60:**Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập. tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

A. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. B. tính chất của cạnh tranh.

C. nguyên nhân của sự giàu nghèo. D. nguyên nhân của sự ra đời hàng hoá..

**Câu 61:** Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành:

A. lợi nhuận. B. nguồn nguyên liệu.

C. khoa học và công nghệ. D. thị trường tiêu thụ.

**Câu 62:** Mạng di động A khuyến mãi giảm 50% giá trị thẻ nạp, một tuần sau mạng B và C cũng đưa ra chương trình khuyến mãi tương tự . Hiện tượng này phản ánh quy luật nào dưới đây của thị trường?

A. Quy luật cung cầu B. Quy luật cạnh tranh

C. Quy luật lưu thông tiền tệ D. Quy luật giá trị

**Câu 63:** Giả sử cung về ô tô trên thì trường là 100.000 chiếc, cầu về mặt hàng này là 70.000 chiếc, giả cả của mặt hàng này trên thị trường sẽ

A. Giảm        B. Tăng

C. Tăng mạnh        D. ổn định

**Câu 64**.Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán, là nội dung của khái niệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. tiền tệ | B. hàng hóa | C. lao động | D. thị trường |

**Câu 65:** . Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa để thu được nhiều lợi nhuận là

A. cạnh tranh.      B. thi đua. C. sản xuất.      D. kinh doanh.

**Câu 66**: Hành vi giành giật khách hàng đầu cơ tích trữ gây rối loạn kinh tế chính là mặt hạn chế của:

A. sản xuất hàng hoá.  B. cạnh tranh. C. lưu thông hàng hoá.  D. thị trường.

**Câu 67:** Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh

A. không lành mạnh.      B. không phù hợp. C. tự do.       D. tự nguyện.

**Câu 68**: Hành vi gièm pha doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp đưa ra thông tin không trung thực là thuộc loại cạnh tranh nào dưới đây?

A. Cạnh tranh tự do. B. Cạnh tranh lành mạnh.

C. Cạnh tranh không lành mạnh. D. Cạnh tranh không trung thực.

**Câu 69**: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

A. Bảo vệ môi trường tự nhiên. B. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 70**: Hành vi khai thác gỗ trái phép làm cho rừng bị tàn phá, gây hiện tượng lũ lụt, hạn hán ảnh hưởng đến môi trường và sản xuất của con người là nói đến măt hạn chế nào dưới đây của cạnh tranh?

A. Chạy theo lợi nhuận, vi phạm qui luật tự nhiên.

B. Giành giật khách hành để thu lợi nhuận tối đa.

C. Gian lân, trốn thuế làm thất thu ngân sách nhà nước

D.Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

**Câu 71**: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định, tương ứng với giá cả và thu nhập được gọi là

A. cung.        B. cầu. C. nhu cầu.     D. thị trường.

**Câu 72:**Trên thị trường, khi giá cả tăng lên, cầu sẽ

A. giảm xuống.  B. tăng lên.  C. ổn định.  D. không tăng.

**Câu 73**: Trên thị trường, khi giá cả tăng lên, lượng cung sẽ

A. giảm xuống.  B. tăng lên. C. ổn định.  D. không tăng.

**Câu74**: Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và

A. nguồn thu nhập xác định. B. số lượng hàng hóa nói chung.

C. nhu cầu tiêu dùng nói chung. D. chi phí sản xuất xác định.

**Câu 75**: Trên thị trường khi cầu tăng lên, sản xuất kinh doanh mở rộng, lượng cung hàng hóa sẽ

A. ổn định. B. giảm xuống. C. đứng im. D. tăng lên.

Câu 76: Ở trường hợp cung – cầu nào dưới đây thì người sản xuất bị thiệt hại?

A. Cung = cầu.       B. Cung > cầu. C. Cung < cầu.       D. Cung ≤ cầu.

**Câu 77**: Khi giá cả hàng hóa tăng lên thì cung, cầu sẽ diễn biến theo chiều hướng nào dưới đây?

A. Cung tăng, cầu giảm. B. Cung giảm, cầu tăng.C. Cung tăng, cầu tăng.D. Cung giảm, cầu giảm.

**Câu 78**: Trong quá trình sản xuất, những người sản xuất có điều kiện sản xuất không thuận lợi kinh doanh kém, nên bị thua lỗ, phá sản, hiện tượng này phản ánh sự tác động nào của quy luật giá trị?

**Câu 79**: Khi tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất nước ta cần phải

|  |  |
| --- | --- |
| A. đảm bảo an sinh xã hội. | B. giữ gìn văn hóa truyền thống. |
| C. chiến lược phân bố dân cư. | D. thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất. |

**Câu 80**: Nội dung nào dưới đây không phản ánh tác dụng to lớn và toàn diện khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay?

**Câu 81**: Kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vùng kinh tế.  | B. Thành phần kinh tế. |
| C. Ngành kinh tế. | D. Cơ cấu kinh tế. |

**Câu 82:** Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các vị trí, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhà nước?

A.Kinh tế tư nhân B.Kinh tế nhà nước C.Kinh tế cá thể D.Kinh tế tập thể

**Câu 83:** Nội dung nào dưới đây không thể hiện trách nhiệm của công dân đối với việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần?

A. Tham gia lao động sản xuất ở gia đình. B. Chủ động tìm kiếm việc làm phù hợp.

C. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội. D. Vận động người dân đầu tư vốn vào sản xuất.